

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 222/2025/DS-ST

Ngày: 04/6/2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Mỹ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Đức Quang.

2. Ông Lê Trọng Hải.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Quỳnh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:** Bà Lê Ngọc Thanh Trúc – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, địa chỉ số B Đường T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 565/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2025/QĐST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2025/QĐST-DS, ngày 13 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: Số B đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám Đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Trường T (Theo Giấy uỷ quyền số 2258/2024/UQ-TT.XLN)

Bị đơn: Bà Phạm Thị Thanh H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số F đường Đ, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25/9/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, người

đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Phạm Trường T trình bày:

Ngày 28/9/2020 bà Phạm Thị Thanh H có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 30.000.000 VND với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Phạm Thị Thanh H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 839.909.592 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Phạm Thị Thanh H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 820.775.060 đồng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở về việc thanh toán số tiền còn nợ nhưng bà Phạm Thị Thanh H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Phạm Thị Thanh H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23/3/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 31.991.231 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn. Tính đến ngày 04/6/2025, bà Phạm Thị Thanh H còn nợ các khoản sau:

- Nợ gốc : 31.991.231 đồng
- Lãi quá hạn: 19.423.116 đồng
- Tổng cộng: 51.414.347 đồng

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà Phạm Thị Thanh H, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên bà Phạm Thị Thanh H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa án buộc bà Phạm Thị Thanh H phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 04/6/2025 là 51.414.347 đồng (Năm mươi một triệu, bốn trăm mười bốn nghìn, ba trăm bốn mươi bảy đồng), trong đó, dư nợ gốc: 31.991.231 đồng, lãi quá hạn: 19.423.116 đồng và buộc bà H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 05/6/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn – bà Phạm Thị Thanh H không đến Tòa án nhân dân Quận 10 tham gia tố tụng dù đã được tổng đạt hợp lệ nên Tòa án không có ý kiến trình bày của bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án nhân dân Quận 10 đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phạm Thị Thanh H có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ số F đường Đ, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP S là tổ chức tín dụng khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Thanh H thanh toán số tiền bà đã vay của Ngân hàng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 1 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[3] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Phạm Trường T có đơn xin vắng mặt và bị đơn - bà Phạm Thị Thanh H vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[4] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S, nhận thấy ngày 28/9/2020 bà Phạm Thị Thanh H có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (sau đây gọi là Hợp đồng sử dụng thẻ) với nội dung cơ bản như sau: Hạn mức tín dụng: 30.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân và lãi suất trong hạn là 2.77%/tháng. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xem xét nội dung của Hợp đồng sử dụng thẻ là sự thỏa thuận giữa Ngân hàng TMCP S và bà Phạm Thị Thanh H.

[4.1] Xét yêu cầu thanh toán nợ gốc: Qua Bảng sao kê chi tiết ngày 08/4/2024 của Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, bà Phạm Thị Thanh H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 839.909.592 đồng, phát sinh các phí như phí trễ hạn 1.105.909 đồng, phí vượt hạn mức là 50.000 đồng, lãi 30.724.906 đồng, số tiền bà H đã thanh toán là 820.775.060 đồng được trừ vào phần tiền giao dịch mà bà H sử dụng. Ngân hàng đã trừ số tiền bà H đã thanh toán theo thứ tự nêu trên phù hợp với thỏa thuận tại Điều 16, Điều 20, Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng đối với nợ gốc là 31.991.231 đồng.

[4.2] Xét yêu cầu về tiền lãi: Căn cứ Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT- NHNN ngày 14/4/2010 có quy định: “Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của dự án, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư, phát triển và đời sống có hiệu quả”, Hội đồng xét xử xét thấy, mức lãi suất trong hạn đã thỏa thuận của hai bên là 2.77 %/tháng và lãi quá hạn (150% lãi trong hạn) phù hợp với Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng và bà H vi phạm thời hạn thanh toán từ ngày 23/3/2024 đến ngày 04/6/2025, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tiền lãi quá hạn của Ngân hàng từ ngày 23/3/2024 đến ngày 04/6/2025 là 19.423.116 đồng.

[4.3] Từ các nội dung trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu bà Phạm Thị Thanh H thanh toán cho Ngân hàng với nợ gốc là 31.991.231 đồng, nợ lãi quá hạn là 19.423.116 đồng. Tổng cộng: 51.414.347 đồng. Ngoài ra, kể từ ngày 05/6/2025 bà H còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn trên nợ gốc theo thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ cho đến khi ông thi hành xong.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Thanh H phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án là $5\% \times 51.414.347 \text{ đồng} = 2.570.717 \text{ đồng}$, do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3, Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010;

- Căn cứ Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Thống đốc Ngân hàng N;

- Căn cứ Điều 1 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án (Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo).

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Bà Phạm Thị Thanh H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền 51.414.347 đồng (Năm mươi một triệu, bốn trăm mười bốn nghìn, ba trăm bốn mươi bảy đồng), trong đó nợ gốc là 31.991.231 đồng (Ba mươi một triệu, chín trăm chín

mười một nghìn, hai trăm ba mươi một đồng), nợ lãi quá hạn tính đến ngày 04/6/2025 là 19.423.116 đồng (Mười chín triệu, bốn trăm hai mươi ba nghìn, một trăm mười sáu đồng). Ngoài ra, kể từ ngày 05/6/2025 bà H còn phải chịu lãi quá hạn trên nợ gốc theo thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ cho đến khi bà H thi hành xong. Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Thanh H chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.570.717 (Hai triệu, năm trăm bảy mươi nghìn, bảy trăm mười bảy đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 997.772 đồng (Chín trăm chín mươi bảy nghìn, bảy trăm bảy mươi hai đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0020949 ngày 15/11/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 10.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TP . HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Mỹ Phương